

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HS-PT

Ngày: 25-01- 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Khắc Thịnh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Minh Tùng

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 371/2020/TLPT-HS ngày 01 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo Lưu Văn Ngọc H và Kiều Thị N do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 51/2020/HS-ST ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị cáo bị kháng cáo:

1. Họ và tên: **Lưu Văn Ngọc H**; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1979, tại tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú: khóm M, phường T, TP. V, tỉnh Vĩnh Long; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 9/12; Họ tên cha: Lưu Phước H1, sinh năm 1943 (chết); Họ tên mẹ: Trần Thị T, sinh năm 1943 (sống); Anh, chị em ruột có 03 người, bị cáo là người thứ ba; Vợ: Kiều Thị N, sinh năm 1986 (chưa đăng ký kết hôn); Có 01 con, sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 12/3/2020. Bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Kiều Thị N**; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nữ; Sinh năm 1986, tại tỉnh Bình Phước; Nơi cư trú: thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước; Chỗ ở hiện nay: khóm M, phường T, TP. V, tỉnh Vĩnh Long; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 9/12; Họ tên cha: Kiều Văn Đ (chết); Họ tên mẹ: Nguyễn Thị H2, 70 tuổi (sống); Anh, chị em ruột có 04 người, bị cáo là người thứ tư; Chồng: Lưu Văn Ngọc H, sinh năm 1979 (chưa đăng ký kết hôn); Có 01 con, sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 03/5/2020. Bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Phạm Công C, sinh năm 1968; Cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp

(có mặt).

2. Lê Kim H3, sinh năm 1973; Cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại theo yêu cầu là luật sư Hồ Thị Xuân Hương - Văn phòng luật sư Xuân Hương thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Dương Quốc A, sinh năm 1986; Cư trú: Khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; (vắng mặt).

2. Ông Lưu Văn Đ1, sinh năm 1976; Cư trú: Khóm M, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; (vắng mặt).

3. Ông Trịnh Quang V, sinh năm 1970; Cư trú: Khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Kiều Thị N và Lê Kim H3 cùng bán rau cải tại chợ C, thuộc khóm P, thị trấn C, huyện C. Vào khoảng 06 giờ sáng ngày 13/11/2019, N và H cự cãi nhau trong việc tranh chấp chỗ ngồi bán hàng tại bờ kè sông C. Lúc này, Phạm Công C (chồng H) dùng tay đánh vào vùng đầu của N thì N lấy cái giá (muôi) bằng kim loại đánh lại thì được mọi người can ngăn. Sau đó, N đến Công an thị trấn C trình báo sự việc rồi về nhà nói lại cho chồng là Lưu Văn Ngọc H biết.

Chiều cùng ngày, N kêu H đi mua thuốc và trái cây về cho N và con gái. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, do không thấy H về nên N nhờ anh chồng là Lưu Văn Đ1 ở gần nhà chạy xe mô tô chở N đến chợ C để tìm H. Khi đến cổng chợ nông sản thực phẩm, anh Đ1 đậu xe ngoài đường còn N đi vào nhà lồng chợ thì gặp C và H đang dọn hàng rau cải về. Nhớ lại mâu thuẫn trước đây nên N đến nói chuyện rồi dẫn đến hai bên cự cãi nhau. Thời điểm này, H đang chạy xe ngang cổng chợ thì nghe tiếng cự cãi nên dừng xe lại đi vào chợ cùng N cự cãi với vợ chồng H. Lúc này C dùng tay đánh trúng mặt và dùng chân đá trúng bụng H. H chạy ra mở cốp xe lấy 01 con dao, loại dao xếp màu đen, lưỡi bằng kim loại dài 10cm rồi chạy đến quầy thịt heo B cách sạp rau của H 8,5m, cầm dao tay phải đâm trúng vùng lưng trái của C một cái gây thương tích thì được anh Đ1 can ra. Trong lúc H và C đuổi đánh nhau thì H và N xông vào nắm tóc, dùng tay đánh và vật nhau qua lại. Trong lúc câu vật nhau thì N nhặt một khúc kim loại tròn dài khoảng 30cm, đường kính khoảng 03cm dưới rãnh thoát nước gần sạp thịt heo S đánh nhiều cái vào người bà H gây thương tích ở ngón tay, trán và thái dương. Sau khi được can ra, H thấy H3 và N đang đánh nhau nên đến dùng chân đá trúng vào người bà H3 một cái thì được mọi người can ra. Sau đó, H điều khiển xe mô tô chở N về nhà, dọc đường N ném khúc kim loại vào thùng rác. Đối với Phạm Công C và Lưu Kim H3 được mọi người đưa đến bệnh viện C cấp cứu rồi chuyển đến bệnh viện đa khoa S điều trị đến ngày 19/11/2019 thì xuất viện. Hiện không thu hồi được con dao và khúc kim loại nêu trên.

Ngày 15/11/2019, Phạm Công Chánh và Lê Kim H3 làm đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với Lưu Văn Ngọc H và Kiều Thị N.

Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 áo khoát bằng vải màu xám nâu của Phạm Công Chánh, bị rách phần lưng, trên áo có nhiều vết màu đỏ nghi máu;

Lưu Văn Ngọc H giao nộp 01 con dao xếp màu đen, cán bằng kim loại dài 10cm, lưỡi bằng kim loại dài 10cm (Con dao tương tự H dùng để gây thương tích cho Phạm Công C).

Tại các bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 01, 02/TgT cùng ngày 19/12/2019 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh Đồng Tháp kết luận về tỷ lệ tổn thương cơ thể của Phạm Công C và Lê Kim H3 như sau:

1. Phạm Công C: Sẹo vết thương phần mềm vùng lưng trái, kích thước nhỏ, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01%, tại thời điểm giám định. Tổn thương do vật có cạnh sắc nhọn gây ra.

2. Lê Kim H3: Sẹo vết thương phần mềm vùng trán trái; Bầm tụ máu ngón V bàn tay trái sưng nề nhẹ, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 4%, tại thời điểm giám định. Các tổn thương do vật tày tác động gây nên.

Phạm Công C yêu cầu bồi thường tổng cộng 5.036.822 đồng, gồm: tiền thuốc và chi phí điều trị là 1.536.822 đồng (có hóa đơn). Tiền thu nhập bị mất trong 07 ngày nằm viện, mỗi ngày 500.000đ, tổng cộng 3.500.000 đồng. Lưu Văn Ngọc H đồng ý bồi thường tiền thuốc và chi phí điều trị (có hóa đơn), đối với tiền thu nhập bị mất Lưu Văn Ngọc H không đồng ý bồi thường.

Lê Kim H3 yêu cầu bồi thường tổng cộng 24.217.769 đồng, trong đó tiền thuốc và chi phí điều trị là 2.817.769 đồng (có hóa đơn là 1.940.269 đồng, còn 877.500đ bà H3 khai mua thuốc uống bên ngoài nhưng không có hóa đơn); và các khoản yêu cầu còn lại do bà H3 tự kê không chứng minh được gồm: Tiền nông sản bị hư hỏng do không bán được vì phải nằm viện là 3.775.000đ; tiền ăn của ông C và bà H3 trong 07 ngày nằm viện là 3.900.000đ; tiền thu nhập thực tế bị mất trong 07 ngày nằm viện, mỗi ngày 2.500.000đ, tổng cộng 07 ngày là 17.500.000đ. Kiều Thị N đồng ý bồi thường 1.940.269 đồng, các yêu cầu còn lại N không đồng ý bồi thường.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 51/2020/HS-ST ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lưu Văn Ngọc H và Kiều Thị N phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Lưu Văn Ngọc H 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt: Bị cáo Kiều Thị N 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách là 01 năm, kể từ ngày tuyên án.

Về trách nhiệm dân sự: Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 590 Bộ luật dân sự:

Buộc Lưu Văn Ngọc H bồi thường cho Phạm Công C tiền thuốc và chi phí điều trị thương tích số tiền là 1.536.822 đồng, tiền thu nhập bị mất 7 ngày nằm viện là

1.400.000đ, bồi thường tiền ăn uống của ông C trong 07 ngày nằm viện là 700.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 3.637.000 đồng (đã làm tròn).

Buộc Kiều Thị N bồi thường tiền thuốc và chi phí điều trị cho Lê Kim H3 là 1.940.269 đồng (có hóa đơn), tiền thu nhập bị mất 7 ngày nằm viện là 1.400.000 đồng, tiền ăn uống của bà H3 trong 07 ngày nằm viện là 700.000 đồng, Tổng cộng số tiền là 4.040.000 đồng (đã làm tròn); (Bị cáo H và N đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C 5.000.000 đồng).

Kể từ ngày người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, các bị cáo không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng các bị cáo còn phải trả tiền lãi của số tiền chưa thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 20 tháng 10 năm 2020, các bị hại Phạm Công C và Lê Kim H3 đồng có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, tăng nặng mức hình phạt đối với các bị cáo Lưu Văn Ngọc H và Kiều Thị N, tăng mức bồi thường thiệt hại cho phía bị hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm: Hành vi của các bị cáo Kiều Thị N, Lưu Văn Ngọc H bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” là có căn cứ.

Mặc dù các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đủ điều kiện hưởng án treo nhưng trong vụ án này bị cáo Kiều Thị N là người mâu thuẫn với bị hại vào buổi sáng, được mọi người can ngăn, việc mâu thuẫn đã chấm dứt và bị cáo cũng đã báo Công an thị trấn. Vụ việc chưa được giải quyết thì buổi chiều bị cáo gặp vợ chồng bị hại, bị cáo lại tiếp tục gây sự và dẫn đánh nhau gây thương tích. Cả hai bị cáo gây thương tích cho bị hại đều dùng hung khí nguy hiểm, nơi xảy ra vụ án là nơi công cộng có nhiều người, ảnh hưởng đến trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo Kiều Thị N phải là người giữ vai trò chính, bị cáo cũng là người gây thương tích cho bị hại H3 đến 04% nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cho cả hai bị cáo đều hưởng án treo là chưa phù hợp với vai trò của từng bị cáo, ảnh hưởng không tốt đến dư luận xã hội. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo Kiều Thị N để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về dân sự: Về phần thiệt hại hàng hóa: Các bị hại cho rằng do nằm viện 07 ngày không bán được, gây thiệt hại 3.775.000đ. Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm bị hại không cung cấp được thiệt hại gồm những gì, bao nhiêu, thiệt hại đó có ai biết và xác nhận cơ quan có thẩm quyền, từ đó cấp sơ thẩm không chấp nhận và hiện nay cũng không thể khắc phục được. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của các bị hại về thiệt hại hàng hóa.

Về tổn thất tinh thần: Các bị cáo gây thương tích cho bị hại, ngoài bồi thường về sức khỏe thì còn phải bồi thường về tổn thất tinh thần theo quy định tại khoản 2 Điều 590 Bộ luật Dân sự. Tại cấp sơ thẩm các cơ quan tiến hành tố tụng chưa hỏi bị hại về yêu cầu về tổn thất tinh thần nên bị hại cũng chưa thực hiện quyền của mình. Cho nên bị hại kháng cáo yêu cầu bồi thường về tổn thất tinh thần là có căn cứ.

Từ phân tích trên, căn cứ điểm a, b, d khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Phạm Minh C, Lê

Kim H3.

Về hình sự: Không áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự và không cho bị cáo Kiều Thị N hưởng án treo.

Về dân sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị hại yêu cầu các bị cáo Kiều Thị N, Lưu Văn Ngọc H liên đới bồi thường về hàng hóa bị hư hỏng với số tiền 1.400.000 đồng; bị hại Phạm Minh C yêu cầu bị cáo Lưu Văn Ngọc H bồi thường 3.000.000 đồng tiền tổn thất tinh thần, bị hại Lê Kim H3 yêu cầu bị cáo Kiều Thị N bồi thường 5.000.000 đồng tiền tổn thất tinh thần. Các bị cáo Kiều Thị N, Lưu Văn Ngọc H đồng ý bồi thường theo yêu cầu của phía bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và phía bị hại.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại phát biểu quan điểm thống nhất về tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo cũng như tán đồng quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo đều ý thức được con dao và cây tuýp sắt là hung khí nguy hiểm, có khả năng sát thương cao, nếu dùng tấn công vào cơ thể người khác sẽ gây thương tích có thể dẫn đến chết người. Vậy mà các bị cáo vẫn bất chấp hậu quả, bị cáo Lưu Văn Ngọc H dùng dao đâm trúng vùng vai trái của anh C gây tỷ lệ tổn thương 01%; bị cáo Kiều Thị N dùng một khúc tuýp sắt đánh trúng vùng trán và ngón V bàn tay trái chị H3 gây thương tích 04%, thể hiện tính hung hãn, côn đồ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo H và bị cáo N mỗi bị cáo 06 tháng tù nhưng cho cả hai bị cáo hưởng án treo là chưa nghiêm, chưa đủ tính răn đe và phòng ngừa chung. Về trách nhiệm dân sự, số tiền thu nhập, các bị hại đều có thu nhập ổn định, đề nghị Hội đồng xét xử tăng thêm mỗi người 300.000 đồng/01 ngày x 04 ngày. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của các bị hại, tăng hình phạt đối với bị cáo N. Về trách nhiệm dân sự, yêu cầu tăng mức bồi thường khoản mất thu nhập của các bị hại, công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và phía bị hại về hàng hóa bị hư hỏng và tiền tổn thất tinh thần.

Tại phần tranh luận, các bị cáo không tham gia tranh luận; các bị hại vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm để bị cáo có điều kiện chăm lo cho gia đình, làm để kiếm tiền bồi thường cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lưu Văn Ngọc H và Kiều Thị N thừa nhận về hành vi gây thương tích cho các bị hại Phạm Công C và Lê Kim H3 như nội dung Bản án sơ thẩm đã xét xử. Các bị cáo thừa nhận phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Sau khi Tòa án sơ thẩm xét xử, các bị cáo không kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm để các bị cáo có điều kiện chăm lo cho gia đình.

Các bị hại Phạm Công C và Lê Kim H3 giữ nguyên kháng cáo đề nghị Hội đồng

xét xử phúc thẩm tuyên tăng hình phạt đối với các bị cáo Lưu Văn Ngọc H và Kiều Thị N. Các bị hại cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt mỗi bị cáo 06 (sáu) tháng tù và điều cho cả hai bị cáo hưởng án treo là nhẹ so với hành vi của bị cáo gây ra, mức hình phạt này là chưa nghiêm, chưa đủ sức giáo dục, răn đe đối với bị cáo. Đồng thời, phía bị hại còn yêu cầu các bị cáo bồi thường hàng hóa bị hư hỏng trong 07 ngày nằm viện là 1.400.000 đồng và yêu cầu bồi thường về tổn thất tinh thần, cụ thể bị hại Phạm Minh C yêu cầu bị cáo Lưu Văn Ngọc H bồi thường 3.000.000 đồng tiền tổn thất tinh thần, bị hại Lê Kim H3 yêu cầu bị cáo Kiều Thị N bồi thường 5.000.000 đồng tiền tổn thất tinh thần. Ngoài ra, các bị hại Phạm Công C và Lê Kim H3 còn yêu cầu các bị cáo Lưu Văn Ngọc H và Kiều Thị N bồi thường thêm khoản tiền thu nhập bị mất; trong đó bị hại Phạm Công C bị mất thu nhập từ ngày 13/11/2019 đến ngày 23/11/2019 là 11 ngày x 300.000 đồng là 3.300.000 đồng, bị hại Lê Kim H3 bị mất thu nhập từ ngày 13/11/2019 đến ngày 24/11/2019 là 12 ngày x 300.000 đồng là 3.600.000 đồng.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của các bị cáo Lưu Văn Ngọc H và Kiều Thị N là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật. Các bị cáo là người đã thành niên, có thể chất, tinh thần phát triển bình thường, có khả năng điều khiển hành vi, giao tiếp xã hội, nhận thức được pháp luật, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định. Đáng lý ra, trước sự việc như vậy lẽ ra bị cáo phải bình tĩnh, kiềm chế bản thân để tìm cách giải quyết mâu thuẫn một cách tế nhị và đúng đắn, dùng lời hay lẽ phải để dung hòa thì sẽ không có chuyện đáng tiếc xảy ra. Còn nếu như sự việc có trầm trọng hơn mà hai bên không thể tự giải quyết được thì có thể nhờ chính quyền địa phương can thiệp, giải quyết. Các bị cáo không làm được như vậy mà ngược lại, với bản chất hung hãn, thích dùng bạo lực để giải quyết mọi xung đột, mâu thuẫn xảy ra và thiếu ý thức chấp hành pháp luật nên các bị cáo đã có hành vi như đã nêu trên. Các bị cáo đều nhận thức được con dao và cây tuýp sắt là hung khí nguy hiểm, có khả năng sát thương cao, khi sử dụng các loại hung khí này tấn công vào cơ thể người khác là sẽ gây thương tích và có thể dẫn đến chết người. Vậy mà bị cáo Lưu Văn Ngọc H dùng dao đâm trúng vùng vai trái của anh C làm cho anh C bị tổn thương cơ thể với tỷ lệ 01%; bị cáo Kiều Thị N dùng một khúc tuýp sắt đánh trúng vùng trán và ngón V bàn tay trái chị H3 gây tổn thương cơ thể của chị H3 với tỷ lệ thương tật 04%. Chứng tỏ việc phạm tội của các bị cáo là cố ý và thực hiện tội phạm đã hoàn thành.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Lưu Văn Ngọc H và Kiều Thị N về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự, là có căn cứ, đúng pháp luật. Trong vụ án này, tuy các bị cáo cùng tham gia thực hiện tội phạm nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ với nhau, cũng không có sự bàn bạc, sắp đặt vai trò cụ thể cho nhau và cũng không có sự điều khiển của người nào nên đây chỉ là dạng đồng phạm giản đơn. Bị cáo Kiều Thị N là người mâu thuẫn với bị hại vào buổi sáng, được mọi người can ngăn, việc mâu thuẫn đã chấm dứt và bị cáo cũng đã báo Công an thị trấn. Vụ việc chưa được giải quyết thì buổi chiều bị cáo gặp vợ chồng bị hại, bị cáo lại tiếp tục gây sự và dẫn đánh nhau gây thương tích. Còn bị cáo H, bị cáo không khuyên can vợ mà lại cùng vợ đánh nhau với vợ chồng bị hại. Cả hai bị cáo gây thương tích cho bị hại đều dùng hung khí nguy hiểm, gây án ở nơi công cộng, làm ảnh hưởng

đến trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo N là người gây thương tích cho người bị hại với tỷ lệ thương tật cao hơn bị cáo H, do đó bị cáo Kiều Thị N là người giữ vai trò chính, còn bị cáo H là người thực hành tích cực trong vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt hai bị cáo mức hình phạt bằng nhau là chưa phân hóa vai trò của từng bị cáo. Do đó, cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo gây ra nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cả hai bị cáo Kiều Thị N và bị cáo Lưu Văn Ngọc H đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra cũng như tại các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm cả hai đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải và cùng khắc phục hậu quả cho các bị hại; về phía người bị hại cũng có một phần lỗi. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần về hình phạt. Cả hai bị cáo Kiều Thị N và bị cáo Lưu Văn Ngọc H là vợ chồng, cùng có hoàn cảnh khó khăn phải mua bán nhỏ để tạo thu nhập nuôi sống bản thân và gia đình, có nhân thân tốt, có địa chỉ rõ ràng và với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên, xét thấy không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo thường trú giám sát, giáo dục cũng đủ để cho các bị cáo rèn luyện, sửa chữa để trở thành người tốt, có ý thức chấp hành pháp luật. Cho nên, cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, cho các bị cáo được hưởng án treo như án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của các bị hại, sửa quyết định của Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Kiều Thị N.

Đối với yêu cầu kháng cáo của các bị hại về trách nhiệm dân sự. Xét thấy, Về khoản bù đắp tổn thất tinh thần, do các bị cáo gây thương tích cho bị hại nên ngoài trách nhiệm bồi thường thiệt hại về sức khỏe thì còn phải bồi thường về tổn thất tinh thần theo quy định tại khoản 2 Điều 590 Bộ luật Dân sự. Tại cấp sơ thẩm, các cơ quan tiến hành tố tụng chưa hỏi rõ các bị hại về vấn đề này nên các bị hại chưa thực hiện quyền của mình. Cho nên, sau khi án sơ thẩm tuyên, các bị hại kháng cáo yêu cầu các bị cáo bồi thường về tổn thất tinh thần là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị hại yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường hàng hóa bị hư hỏng trong 07 ngày nằm viện là 1.400.000 đồng và yêu cầu bồi thường về tổn thất tinh thần, cụ thể bị hại Phạm Minh C yêu cầu bị cáo Lưu Văn Ngọc H bồi thường 3.000.000 đồng, bị hại Lê Kim H3 yêu cầu bị cáo Kiều Thị N bồi thường 5.000.000 đồng. Các bị cáo Kiều Thị N và Lưu Văn Ngọc H đồng ý bồi thường các khoản nêu trên theo yêu cầu của hai bị hại nên công nhận sự thỏa thuận này giữa các bị cáo và phía người bị hại.

Đối với yêu cầu của các bị hại Phạm Công C và Lê Kim H3 yêu cầu các bị cáo Lưu Văn Ngọc H và Kiều Thị N bồi thường thêm khoản tiền thu nhập bị mất. Xét thấy, sau khi xét xử sơ thẩm, các bị hại không có kháng cáo về phần này. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị hại bổ sung kháng cáo yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm là làm xấu hơn tình trạng của bị cáo, làm bất lợi cho các bị cáo, nên không chấp nhận.

Cũng tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lưu Văn Ngọc H và Kiều Thị N cho rằng cả hai bị cáo đã nộp tiền khắc phục hậu quả cho phía bị hại theo biên lai thu số 004119 ngày 05/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, trong đó mỗi người

nộp 2.500.000 đồng. Như vậy, về trách nhiệm dân sự:

Buộc Lưu Văn Ngọc H bồi thường cho Phạm Công C tiền thuốc và chi phí điều trị thương tích số tiền là 1.536.822 đồng, tiền thu nhập bị mất 7 ngày nằm viện là 1.400.000đ, bồi thường tiền ăn uống của ông C trong 07 ngày nằm viện là 700.000 đồng. Tổng cộng các khoản là 3.637.000 đồng nhưng trừ đi số tiền 2.500.000 đồng bị cáo H đã nộp theo biên lai thu số 004119 ngày 05/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C Thành, bị cáo H còn phải bồi thường tiếp cho anh C số tiền 1.137.000 đồng.

Buộc Kiều Thị N bồi thường tiền thuốc và chi phí điều trị cho Lê Kim H3 là 1.940.269 đồng, tiền thu nhập bị mất 7 ngày nằm viện là 1.400.000 đồng, tiền ăn uống của bà H3 trong 07 ngày nằm viện là 700.000 đồng. Tổng cộng các khoản là 4.040.000 đồng nhưng trừ đi số tiền 2.500.000 đồng bị cáo N đã nộp theo biên lai thu số 004119 ngày 05/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, bị cáo N còn phải bồi thường tiếp cho chị H3 số tiền 1.540.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bị cáo Lưu Văn Ngọc H, Kiều Thị N đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại Phạm Công C, Lê Kim H3 tiền tổn thất tinh thần, cụ thể:

Lưu Văn Ngọc H bồi thường cho Phạm Công C số tiền 3.000.000 đồng.

Kiều Thị N bồi thường cho Lê Kim H3 số tiền 5.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bị cáo Lưu Văn Ngọc H, Kiều Thị N đồng ý liên đới bồi thường theo yêu cầu của bị hại C, H3 hàng hóa bị hư hỏng trong 07 ngày nằm viện với số tiền là 1.400.000 đồng.

[4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phần trách nhiệm dân sự của các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng đề nghị về phần hình phạt là chưa phù hợp nên không chấp nhận.

Xét lời phát biểu của vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho phía bị hại là có căn cứ một phần nên chấp nhận một phần đề nghị của vị luật sư.

[5] Do kháng cáo của các bị hại được chấp nhận một phần nên các bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Kiều Thị N, Lưu Văn Ngọc H phải chịu án phí dân sự theo luật định.

[6] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a, b khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị hại Phạm Công C và Lê Kim H3.

Sửa quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số: 51/2020/HS-ST ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C về phần hình phạt đối với bị cáo Kiều Thị N và phần bồi thường thiệt hại.

2. Tuyên bố các bị cáo Kiều Thị N và Lưu Văn Ngọc H cùng phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Kiều Thị N 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 07/10/2020).

Xử phạt: Bị cáo Lưu Văn Ngọc H 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 07/10/2020).

Giao bị cáo Lưu Văn Ngọc H, Kiều Thị N cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Lưu Văn Ngọc H, Kiều Thị N cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Lưu Văn Ngọc H, Kiều Thị N phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo Lưu Văn Ngọc H, Kiều Thị N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 590 Bộ luật dân sự:

Buộc Lưu Văn Ngọc H bồi thường cho Phạm Công C tiền thuốc và chi phí điều trị thương tích số tiền là 1.536.822 đồng, tiền thu nhập bị mất 7 ngày nằm viện là 1.400.000đ, bồi thường tiền ăn uống của ông C trong 07 ngày nằm viện là 700.000 đồng. Tổng cộng các khoản là 3.637.000 đồng nhưng trừ đi số tiền 2.500.000 đồng bị cáo H đã nộp theo biên lai thu số 004119 ngày 05/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, bị cáo Lưu Văn Ngọc H còn phải bồi thường tiếp cho anh C số tiền 1.137.000 đồng.

Buộc Kiều Thị N bồi thường tiền thuốc và chi phí điều trị cho Lê Kim H3 là 1.940.269 đồng, tiền thu nhập bị mất 7 ngày nằm viện là 1.400.000 đồng, tiền ăn uống của bà H3 trong 07 ngày nằm viện là 700.000 đồng. Tổng cộng các khoản là 4.040.000 đồng nhưng trừ đi số tiền 2.500.000 đồng bị cáo N đã nộp theo biên lai thu số 004119 ngày 05/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, bị cáo Kiều Thị N còn phải bồi thường tiếp cho chị H3 số tiền 1.540.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bị cáo Lưu Văn Ngọc H, Kiều Thị N đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại Phạm Công C, Lê Kim H3 tiền tổn thất tinh thần, cụ thể:

Lưu Văn Ngọc H bồi thường cho Phạm Công C số tiền 3.000.000 đồng.

Kiều Thị N bồi thường cho Lê Kim H3 số tiền 5.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bị cáo Lưu Văn Ngọc H, Kiều Thị N đồng ý liên đới bồi thường theo yêu cầu của bị hại Phạm Công C, Lê Kim H3 hàng hóa bị hư hỏng trong 07 ngày nằm viện với số tiền là 1.400.000 đồng.

Kể từ ngày người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, các bị cáo không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng các bị cáo còn phải trả tiền lãi của số tiền chưa thi hành án, theo mức lãi suất quy

định tại khoản 2 điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-02-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Kiều Thị N, Lưu Văn Ngọc H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Lưu Văn Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Kiều Thị N phải chịu 327.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo Kiều Thị N, Lưu Văn Ngọc H liên đới chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC- Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- TAND huyện C (04 bản);
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- CQCSĐT Công an huyện C;
- CQTHAHS Công an huyện C;
- UBND phường T, TP V, tỉnh Vĩnh Long (phối hợp);
- Bị cáo; Bị hại; Luật sư;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA.TA Tỉnh;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Khắc Thịnh